

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm:

Mức điểm yêu cầu tối thiểu quy định tại bảng tiêu chuẩn đánh giá. E-HSDT có tổng số điểm (cũng như số điểm của một số tiêu chuẩn tổng quát) đạt bằng hoặc vượt mức điểm yêu cầu tối thiểu sẽ được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật và được tiếp tục xem xét về tài chính.

Điểm kỹ thuật của từng tiêu chuẩn tổng quát được tính theo điểm kỹ thuật của các tiêu chuẩn chi tiết theo công thức sau:

$$S_j \equiv \sum_{i=1}^k t_{ji} * w_{ji}$$

Trong đó:

t_{ji} = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

w_{ji} = tỷ trọng của tiêu chuẩn chi tiết “i” trong tiêu chuẩn tổng quát “j”,

k = số lượng tiêu chuẩn chi tiết trong tiêu chuẩn tổng quát “j”, và

$$\sum_{i=1}^k w_{ji} = 1$$

Tổng điểm kỹ thuật được tính theo công thức sau:

$$T \equiv \sum_{j=1}^n S_j * W_j$$

Trong đó:

S_j = điểm kỹ thuật của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

W_j = tỷ trọng của tiêu chuẩn tổng quát “j”,

n = số lượng tiêu chuẩn tổng quát, và $\sum_{j=1}^n W_j = 1$

STT	Tiêu chuẩn	Điểm tối đa	Thang điểm chi tiết (nếu có)	Mức điểm yêu cầu tối thiểu
1	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công	46		23
1.1	Tổ chức mặt bằng công trường (Tổng mặt bằng thi công. Nội dung bao gồm thuyết minh và bản vẽ mặt bằng bố trí công trường. Bản vẽ tổng mặt bằng thi công phải được triển khai từ bản vẽ thiết kế thi công đã được phê duyệt)	12		
+	Bố trí tổng thể: Thể hiện đầy đủ các yếu tố như bố trí công trình chính, phụ, kho bãi, đường tạm, hệ thống điện nước, khu vực an toàn, vệ sinh môi trường, toàn bộ nội dung phù hợp với TCVN 5308:1991 và tuân thủ TCVN 4252:2012 và các quy định pháp luật. Trên mặt bằng chỉ rõ được vị trí các công trình chính (vĩnh cửu) và phụ trợ (tạm thời). Xác định rõ được khu vực thi công, diện tích cần thiết, và các công trình phụ trợ phục vụ mục tiêu của gói thầu. Toàn bộ nội dung trình bày phù hợp với điều kiện biện pháp thi công và hiện trạng công trình xây dựng.		2	
+	Có thuyết minh đầy đủ giải pháp kỹ thuật về mặt bằng bố trí công trình, bố trí rào chắn, Vị trí các Khu gia công lắp ráp các cấu kiện; kho chứa vật tư (xi măng, sắt thép, thiết bị điện nước, sơn, cửa... và các vật tư khác cần được bảo quản trong kho kín); bãi tập kết vật tư ngoài trời (cát, đá, gạch xây...); bãi tập kết máy thiết bị phục vụ thi công; Khu vực tập kết phế thải; Lán trại phục vụ thi công (Văn phòng điều hành; Khu vực nhà ở; Nhà ăn và nhà vệ sinh của cán bộ công nhân); các tuyến đường đi lại, vận chuyển của các phương tiện cơ giới và thủ công; giải pháp cấp		2	

	điện, cấp nước, thoát nước, giao thông, liên lạc trong quá trình thi công; Bố trí thiết bị cứu hỏa, tổ chức thoát hiểm cho người và phương tiện khi gặp sự cố.			
+	Lập sơ đồ đường vận chuyển, lối đi cho người và phương tiện đảm bảo an toàn, phân luồng hợp lý, tránh xung đột		1	
+	Khu vực máy móc, thiết bị: Bố trí hợp lý, có đường vào ra thuận tiện, khu vực bảo dưỡng, sửa chữa.		1	
+	Kho bãi: Bố trí kho vật liệu, cấu kiện, thiết bị (kết cấu, hoàn thiện) hợp lý, có phân khu rõ ràng, dễ tiếp cận, đảm bảo an toàn, chống ẩm mốc, phòng cháy		1	
+	Khu vực sản xuất tạm: Khu vực sản xuất bê tông, vữa xây, xưởng gia công cấu kiện, bãi tập kết vật liệu, có phân khu rõ ràng, dễ tiếp cận, đảm bảo an toàn		1	
+	Hệ thống cấp điện cho thi công, sinh hoạt, chiếu sáng, bố trí hợp lý, khả thi và có biện pháp an toàn.		1	
+	Cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt bố trí hợp lý, khả thi		1	
+	Hệ thống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất được bố trí riêng biệt, xử lý trước khi xả		1	
+	Các khu vực nguy hiểm được đánh dấu, cảnh báo rõ ràng, có rào chắn, lưới che chắn để đảm bảo an toàn.		1	
	Cách tính điểm cho từng nội dung chi tiết: Đề xuất hợp lý, khả thi (100% số điểm); Đề xuất chưa đầy đủ và thuyết phục nhưng chấp nhận được (50% số điểm); Không thuộc các trường hợp đánh giá nêu trên (0% số điểm)			
1.2	Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật thi công xây dựng	18		
+	Phù hợp với hồ sơ thiết kế: Giải pháp phải cụ thể hóa được ý đồ của thiết kế, đảm bảo các yêu cầu về khả năng chịu lực và công năng sử dụng.		1	
+	Trình tự thi công logic: Các công việc phải được sắp xếp theo đúng quy luật kỹ thuật (ví dụ: thi công từ dưới lên trên, phần thô trước phần hoàn thiện) để tránh chồng chéo hoặc phải phá dỡ.		2	
+	Giải pháp cung ứng đất đắp từ bên ngoài đưa vào công trình: Xác định cụ thể được nhu cầu về đất đắp K85, K95, K98 cho công trình bằng nguồn đất C3 khai thác từ bên ngoài cho từng vị trí, hạng mục.		2	
+	Giải pháp cung ứng bê tông nhựa nóng từ bên ngoài đưa vào công trình: Xác định cụ thể được nhu cầu về khối lượng theo từng chủng loại bê tông nhựa, giải pháp vận chuyển chuyên dụng, kiểm soát thời gian vận chuyển, lịch trình để đảm bảo giữ nhiệt độ, đảm bảo chất lượng, tiến độ và giảm thiểu tác động môi trường, tuân thủ các TCVN về sản xuất và thi công.		2	
+	Tối ưu hóa nguồn lực: Sử dụng nhân công, máy móc và vật tư một cách hiệu quả nhất, giảm thiểu thời gian chờ đợi hoặc lãng phí vật liệu.		1	
+	Đảm bảo chất lượng và thẩm mỹ: Giải pháp phải kiểm soát được các sai số kỹ thuật trong mức cho phép và đạt được độ tinh tế về kiến trúc		1	
+	Khả năng cung ứng: Nguồn vật tư, thiết bị và nhân lực cần thiết phải có sẵn trên thị trường hoặc trong năng lực của nhà thầu tại thời điểm thi công.		2	
+	Giải pháp đáp ứng được tiến độ tổng thể của dự án. Đảm bảo hoàn thành trong khung tiến độ đã cam kết.		2	
+	Phù hợp điều kiện địa chất, địa hình: Giải pháp phải thích ứng với đặc điểm đất nền, mực nước ngầm và không gian xung quanh công trường (ví dụ: địa chất yếu cần phải gia cố chống vách khi đào móng...; Diện thi công chật hẹp không thể dùng thiết bị có kích thước lớn...)		1	
+	An toàn, môi trường & PCCC: Phải có biện pháp đảm bảo an toàn lao động và giảm thiểu tác động đến khu vực dân cư xung		1	

	quanh (tiếng ồn, bụi bặm). Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy			
+	Công nghệ & thiết bị: Có sẵn công nghệ, máy móc, thiết bị phù hợp, hoặc có kế hoạch cung cấp, huy động hợp lý		2	
+	Quản lý dự án: Tổ chức quản lý chặt chẽ, kiểm soát chất lượng, tiến độ, rủi ro hiệu quả.		1	
	Cách tính điểm cho từng nội dung chi tiết: Đề xuất hợp lý, khả thi (100% số điểm); Đề xuất chưa đầy đủ và thuyết phục nhưng chấp nhận được (50% số điểm); Không thuộc các trường hợp đánh giá nêu trên (0% số điểm)			
1.3	Tính hợp lý và khả thi của biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công	16		
+	Sự phù hợp về trình tự kỹ thuật: biện pháp tổ chức thi công phải tuân thủ đúng quy trình công nghệ (ví dụ: không thể lắp dựng cốt thép khi chưa nghiệm thu ván khuôn mặt đáy). Sự sắp xếp các công việc gối đầu phải logic, tránh xung đột không gian thi công		2	
+	Phân chia phân đoạn, phân kỳ: Biện pháp phải chia nhỏ công trình thành các khu vực thi công độc lập để có thể triển khai song song, giúp rút ngắn tổng thời gian nhưng vẫn đảm bảo dây chuyền sản xuất liên tục. Các công việc được bố trí theo trình tự hợp lý (ví dụ: móng trước, dầm sàn sau)		2	
+	Cân bằng nguồn lực: Tiến độ đề xuất phải tương ứng và phù hợp với biểu đồ nhân lực và thiết bị trong biện pháp tổ chức thi công		2	
+	Sự phù hợp với điều kiện địa phương: Biện pháp thi công phải tính đến yếu tố thời tiết (ngày mưa), địa hình và các quy định về giờ giấc vận chuyển vật liệu tại khu vực dự án		2	
+	Nguồn lực: Năng lực huy động nhân lực (chuyên môn, phổ thông), thiết bị, vật tư tại thời điểm thi công có đủ và đúng loại không. Số lượng nhân lực và thiết bị đề xuất phải tương ứng với biểu đồ nhân lực và thiết bị trong biện pháp tổ chức thi công Trường hợp đề xuất rút ngắn tiến độ phải yêu cầu tính toán tăng nhân lực, làm tăng ca, thêm thiết bị ...		2	
+	Điều kiện công trường: Biện pháp tổ chức thi công có tính đến điều kiện mặt bằng, thời tiết, địa chất, giao thông vận chuyển vật tư (thực tế và pháp lý).		2	
+	Biện pháp tổ chức thi công đề xuất khả thi về thời gian thi công thực tế và có phân tích được các mốc chuyển giai đoạn thi công		2	
+	Quản lý rủi ro: Có các phương án dự phòng cho những sự cố (thời tiết xấu, thiếu vật tư, tai nạn) hợp lý		2	
	Cách tính điểm cho từng nội dung chi tiết: Đề xuất hợp lý, khả thi (100% số điểm); Đề xuất chưa đầy đủ và thuyết phục nhưng chấp nhận được (50% số điểm); Không thuộc các trường hợp đánh giá nêu trên (0% số điểm)			
2	Tiến độ thi công	8		4
+	Có biểu đồ tiến độ thi công và tiến độ dự kiến phải bao gồm cả ngày nghỉ, lễ, tết và có tính đến điều kiện thời tiết hoặc chậm trễ cung ứng vật tư; Trên biểu đồ thể hiện đầy đủ tiến độ thi công các hạng mục công trình để đảm bảo hoàn thành công trình theo thiết kế đã được phê duyệt.		2	
+	Có biểu đồ huy động thiết bị được lập riêng và phải đảm bảo tính phù hợp giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công		1	
+	Có biểu đồ huy động nhân công được lập riêng và phải đảm bảo tính phù hợp giữa huy động nhân công và tiến độ thi công		1	
+	Có biểu đồ cung ứng vật tư, vật liệu và phải đảm bảo tính phù hợp giữa bố trí cung ứng vật tư, vật liệu và tiến độ thi công		1	
+	Biện pháp bảo đảm tiến độ thi công trong suốt quá trình thi công theo tiến độ đã đề xuất (Kế hoạch điều phối, quản lý, giám sát chặt chẽ để đảm bảo tiến độ)		1	
	Cách tính điểm cho từng nội dung chi tiết: Đề xuất hợp lý, khả thi (100% số điểm); Đề xuất chưa đầy đủ và thuyết phục nhưng chấp nhận được (50% số điểm); Không thuộc các trường hợp đánh giá			

	<i>nêu trên (0% số điểm)</i>			
3	Rút ngắn thời gian thi công	12		
+	Nhà thầu đề xuất rút ngắn thời gian thực hiện gói thầu thì sẽ được tính điểm theo combo là cứ đề xuất rút ngắn 05 ngày sẽ được cộng thêm 1 điểm, tối đa không quá 12 điểm tuy nhiên để được tính điểm thì yêu cầu nhà thầu cần phải thuyết minh và đưa ra các giải pháp công nghệ, kỹ thuật tiên tiến, phương pháp thi công tối ưu để đẩy nhanh tiến độ mà không ảnh hưởng chất lượng, giải pháp tăng cường nguồn lực thi công,...tất cả phải được giải trình hợp lý và chứng minh được việc rút ngắn do nhà thầu đề xuất là khả thi. Có cam kết bằng văn bản được lập riêng và có chữ ký và đóng dấu pháp nhân của từng nhà thầu với nội dung việc rút ngắn không ảnh hưởng đến chất lượng công trình và nếu cam kết rút ngắn không thực hiện được khi thi công, nhà thầu phải chịu các chế tài theo hợp đồng như bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng...		1 điểm/05 ngày	
	<i>Cách tính điểm: Đề xuất rút ngắn hợp lý, khả thi và có cam kết đảm bảo theo yêu cầu (100% số điểm); Có đề xuất rút ngắn nhưng giải trình không hợp lý hoặc không chứng minh được việc rút ngắn do nhà thầu đề xuất là khả thi (0% số điểm); Thiếu tài liệu cam kết của nhà thầu độc lập hay bất kỳ thành viên liên danh nhưng được bổ sung sau khi làm rõ (50% số điểm).</i>			
4	Cách thức quản lý dự án của nhà thầu	10		5
+	Tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường;		2	
+	Các biện pháp bảo đảm chất lượng;		2	
+	Các biện pháp bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường		2	
+	Các biện pháp bảo đảm phòng cháy, chữa cháy		2	
+	Các biện pháp bảo đảm an toàn lao động		2	
	<i>Cách tính điểm cho từng nội dung chi tiết: Đề xuất hợp lý, khả thi (100% số điểm); Đề xuất chưa đầy đủ và thuyết phục nhưng chấp nhận được (50% số điểm); Không thuộc các trường hợp đánh giá nêu trên (0% số điểm)</i>			
5	Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành	6		3
+	Đề xuất thời hạn bảo hành và quy trình bảo hành		2	
+	Mức bảo hành và hình thức bảo hành		2	
+	Trách nhiệm bảo hành phần công việc, thiết bị do mình thực hiện và biện pháp khắc phục hư hỏng trong thời gian bảo hành.		2	
	<i>Cách tính điểm cho từng nội dung chi tiết: Đề xuất hợp lý, khả thi (100% số điểm); Đề xuất chưa đầy đủ và thuyết phục nhưng chấp nhận được (50% số điểm); Không thuộc các trường hợp đánh giá nêu trên (0% số điểm)</i>			
6	Trách nhiệm chính của nhà thầu thi công	6		3
+	Trách nhiệm về Quản lý chất lượng và thi công		1	
+	Trách nhiệm về Đảm bảo an toàn và môi trường		1	
+	Trách nhiệm về Đảm bảo tiến độ và tài chính		1	
+	Trách nhiệm về hồ sơ & quản lý		1	
+	Trách nhiệm Nghiệm thu và bàn giao		1	
+	Trách nhiệm pháp lý		1	
	<i>Cách tính điểm cho từng nội dung chi tiết: Đề xuất hợp lý, khả thi (100% số điểm); Đề xuất chưa đầy đủ và thuyết phục nhưng chấp nhận được (50% số điểm); Không thuộc các trường hợp đánh giá nêu trên (0% số điểm)</i>			
7	Yêu cầu về chủng loại, chất lượng vật tư, thiết bị đưa vào thi công công trình	8		4
+	Có Bảng thống kê vật tư, thiết bị theo mẫu bảng 3.1 thuộc chương V, phần 2 của E-HSMT.		2	
+	Nội dung trong Bảng thống kê do nhà thầu đề xuất đều có đầy đủ thông tin, thông số kỹ thuật của toàn bộ các Vật tư, thiết bị theo		2	

	<i>yêu cầu và hoàn toàn đáp ứng theo yêu cầu nêu tại chương V, phần 2 của E-HSMT</i>			
+	<i>Có đầy đủ tài liệu chứng minh năng lực cung cấp của toàn bộ vật tư, thiết bị ghi trong bảng thống kê vật tư, thiết bị do nhà thầu đề xuất cho gói thầu theo yêu cầu cụ thể nêu tại bảng 3.1 thuộc chương V, phần 2 của E-HSMT.</i>		4	
	<i>Cách tính điểm cho từng nội dung chi tiết: Đề xuất đảm bảo theo yêu cầu (100% số điểm); Đề xuất không đảm bảo theo yêu cầu (0% số điểm); Thiếu tài liệu chứng minh nhưng được bổ sung sau khi làm rõ (50% số điểm).</i>			
8	Uy tín của nhà thầu (Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải thỏa mãn tất cả các yêu cầu của từng nội dung đánh giá)	4		2
+	<i>Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP trong khoảng thời gian từ năm 2022 đến nay không có vi phạm hợp đồng hoặc chấm dứt hợp đồng nào do lỗi của nhà thầu. Có kê khai đầy đủ thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng thi công xây dựng công trình trong khoảng thời gian theo yêu cầu và cam kết bằng văn bản kèm theo (Yêu cầu văn bản được lập riêng và có chữ ký và đóng dấu pháp nhân của nhà thầu, trường hợp cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận và E-HSMT sẽ bị loại).</i>		2	
+	<i>Nhà thầu không vi phạm về gian lận (cung cấp thông tin, kê khai không trung thực...) trong đấu thầu, dẫn đến bị xử phạt, bị cấm tham gia đấu thầu theo Điều 133 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP ở bất kỳ địa phương nào trên toàn quốc và có cam kết bằng văn bản kèm theo (Yêu cầu văn bản được lập riêng và có chữ ký và đóng dấu pháp nhân của nhà thầu. Trường hợp cam kết không trung thực sẽ bị đánh giá là gian lận và E-HSMT sẽ bị loại).</i>		2	
	<i>Cách tính điểm cho từng nội dung chi tiết: Đề xuất đảm bảo theo yêu cầu và không vi phạm (100% số điểm); Đề xuất không đảm bảo theo yêu cầu hoặc nhà thầu độc lập hay bất kỳ thành viên liên danh có vi phạm (0% số điểm); Thiếu tài liệu cam kết của nhà thầu độc lập hay bất kỳ thành viên liên danh nhưng được bổ sung sau khi làm rõ (50% số điểm).</i>			
	Tổng cộng (100%)	100		80

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất¹:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSMT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp chủ đầu tư đưa ra các khoản tạm tính thì phần chi phí cho các khoản tạm tính, trong đó bao gồm chi phí công nhật sẽ được tách riêng và không được

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này.

xem xét trong quá trình đánh giá E-HSDT để so sánh, xếp hạng các E-HSDT

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSDT sẽ được đánh giá như sau: ____ [*ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế*].